



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ BKR INTERNATIONAL

Địa chỉ: Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà - Số 165 - Đường Cầu Giấy - Quận Cầu Giấy - Hà Nội
ĐT: 04. 62 670 491/492/493 Fax: 04.62 670 494 Website: www.vae.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN ACC-244

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

cho năm tài chính 2011

BẢN SAO

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 27



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần ACC - 244 trình bày Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính 2011.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần ACC - 244 (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Xí nghiệp xây dựng 244 trực thuộc Cục Hậu cần Không quân. Sau đó được chuyển đổi thành Công ty cổ phần ACC - 244, trực thuộc Công ty TNHH MTV Xây dựng công trình Hàng không ACC theo Quyết định Cổ phần hóa số 3643/QDD-BQP ngày 04/11/2008 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104598666 ngày 16/04/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần lần đầu số 0104598666 ngày 16 tháng 04 năm 2010 thì vốn điều lệ của Công ty: 29.408.620.000 VND (Bằng chữ: Hai mươi chín tỷ, bốn trăm linh tám triệu, sáu trăm hai mươi nghìn đồng).

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Khai thác đá; Khai thác cát, sỏi; Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn; Sửa chữa thiết bị điện;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Thoát nước; Xử lý nước thải; Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng.

Địa chỉ: Số 164 Lê Trọng Tấn, Thanh Xuân, Hà Nội
Tel: (84 - 04) 3 565 1528 Fax: (84 - 04) 3 852 2622

Danh sách cổ đông:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với các cá nhân	Số cổ phần (ĐKKD)
I	Đại diện phần vốn góp nhà nước tại Công ty Cổ phần ACC - 244		
1	Phan Duy Lĩnh	TT Xí nghiệp xây dựng 244, quân chủng Phòng không - Không quân, phố Lê Trọng Tấn, Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội.	796.446
2	Nguyễn Quốc Doanh	Số 80, dãy A, Lô TT8, khu đô thị Văn Quán, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội.	597.208
3	Nguyễn Thị Vinh	Nhà số 9, ngõ 235, tổ 21 phố Nguyễn Ngọc Nại, Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội	597.208
II	Các cổ đông khác		950.000

28-C
TY
HỮU H
QUINH
IAM
TP.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2011 và đến ngày lập Báo cáo tài chính, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Phan Duy Lĩnh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Doanh	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Công Nguyên	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Sinh	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Vinh	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phan Duy Lĩnh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Sinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Công Nguyên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Doanh	Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2011 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không; và

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

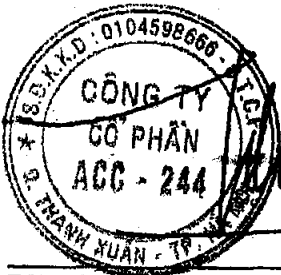
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN ACC - 244



Phan Duy Linh

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 11 tháng 02 năm 2012



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ BKR INTERNATIONAL

Địa chỉ: Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà - Số 165 - Đường Cầu Giấy - Quận Cầu Giấy - Hà Nội
ĐT: 04. 62 670 491/492/493 Fax: 04.62 670 494 Website: www.vae.com.vn

Số: 19 -12/BC-TC/TH-VAE

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011
của Công ty Cổ phần ACC-244

Kính gửi : Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần ACC - 244

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011 được lập ngày 11/02/2012 của Công ty Cổ phần ACC - 244 (gọi tắt là "Công ty") từ trang 07 đến trang 27 kèm theo. Báo cáo tài chính đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và của Kiểm toán viên

Theo qui định của Chế độ kế toán Việt Nam và như đã trình bày từ trang 02 đến trang 04, Ban Tổng Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Giới hạn kiểm toán

- Công ty đang thực hiện quy chế giao khoán cho các đội đối với các công trình xây lắp. Do vậy công nợ phải trả nhà cung cấp chi tiết cho từng đối tượng do kế toán cấp đội theo dõi. Chúng tôi đã áp dụng các thủ tục kiểm toán thay thế, tuy nhiên các thủ tục này cũng không cung cấp cho chúng tôi các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp để đưa ra ý kiến về khoản mục nêu trên được theo dõi trên tài khoản phải trả, phải nộp khác và đánh giá ảnh hưởng của khoản mục này tới các chỉ tiêu liên quan trên Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của giới hạn kiểm toán nêu trên (nếu có), xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2011:

- (a) Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày; và



(b) Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan.

Tuy nhiên chúng tôi xin lưu ý đến mục VIII.2.4 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, nhằm mục đích hợp nhất và thống nhất theo dõi công nợ, Công ty đang theo dõi khoản công nợ với Công ty ACC (công ty mẹ) tại khoản mục phải trả nội bộ.

Báo cáo kiểm toán được lập thành sáu (06) bản bằng tiếng Việt. Công ty Cổ phần ACC - 244 giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



ĐẠI BIỂU PHƯƠNG KHƯƠNG MẠI
CHUNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thư: 0043 Quyển số: 44
Phạm Hồng Sơn SCT/BS

Phó Tổng giám đốc tháng năm 20

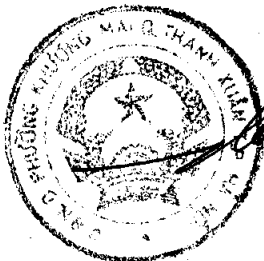
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0817/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

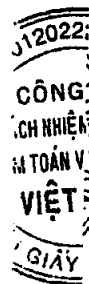
Ngô Bá Duy

Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1107/KTV



PHÓ CHỦ TỊCH
Phạm Hồng Châu



Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2011	01/01/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		165.741.494.266	169.579.555.551
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	21.742.875.928	17.847.222.257
1. Tiền	111	V.1.1	21.742.875.928	17.847.222.257
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		56.797.361.495	49.185.518.734
1. Phải thu của khách hàng	131	VIII.2.1	56.184.371.762	48.746.450.816
5. Các khoản phải thu khác	138	V.2.	612.989.733	439.067.918
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		69.010.828.875	80.412.514.995
1. Hàng tồn kho	141	V.3.	69.010.828.875	80.412.514.995
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		18.190.427.968	22.134.299.565
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		19.368.000	16.928.280
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		540.781.982	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	VIII.2.2	17.630.277.986	22.117.371.285
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		6.474.622.155	9.390.420.560
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		5.385.290.434	9.307.991.472
1. TSCĐ hữu hình	221	V.4.	5.376.803.762	7.289.984.902
- Nguyên giá	222		13.056.606.639	14.034.747.639
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.679.802.877)	(6.744.762.737)
3. TSCĐ vô hình	227	V.5.	8.486.672	2.018.006.570
- Nguyên giá	228		15.276.000	2.019.703.902
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.789.328)	(1.697.332)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.089.331.721	82.429.088
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6.	1.089.331.721	82.429.088
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		172.216.116.421	178.969.976.111

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

(tiếp theo)

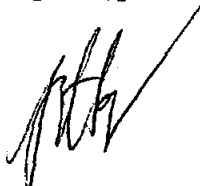
Đơn vị tính : VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2011	01/01/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		140.793.533.871	148.396.324.382
I. Nợ ngắn hạn	310		136.537.502.047	148.375.324.382
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.7.	5.000.000.000	4.000.000.000
3. Người mua trả tiền trước	313	VIII.2.3	76.987.657.591	88.735.292.895
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.8.	583.152.639	2.177.486.863
5. Phải trả người lao động	315		-	386.240.000
7. Phải trả nội bộ	317	VIII.2.4	1.835.931.900	1.477.378.031
9. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	V.9.	51.351.632.561	50.846.592.067
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		779.127.356	752.334.526
II. Nợ dài hạn	330		4.256.031.824	21.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334		4.217.777.324	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		38.254.500	21.000.000
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học công nghiệp	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		31.422.582.550	30.573.651.729
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.10.	31.422.582.550	30.573.651.729
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		29.408.620.000	29.408.620.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		329.422.614	634.984.444
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		601.546.063	243.557.319
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		644.478.710	286.489.966
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		438.515.163	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		172.216.116.421	178.969.976.111

Hà Nội, ngày 11 tháng 02 năm 2012

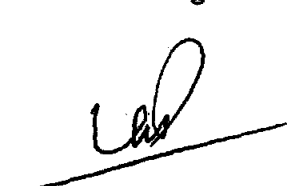
CÔNG TY CỔ PHẦN ACC - 244

Người lập biểu

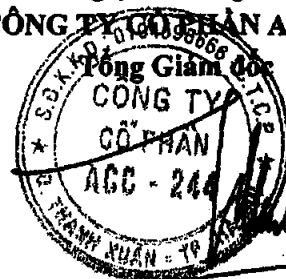


Phạm Thị Bích Hạnh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Vinh



Phan Duy Linh

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm 2011	Đơn vị tính: VND
				Từ 17/04/2010 đến 31/12/2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.11.	275.220.363.314	183.290.694.737
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.12.	25.420.000	140.308.119
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.13.	275.194.943.314	183.150.386.618
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.14.	257.587.788.206	171.416.963.574
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		17.607.155.108	11.733.423.044
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.15.	175.090.266	119.258.581
7. Chi phí tài chính	22	VI.16.	295.685.766	62.759.372
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.2.5	7.630.614.410	4.292.085.636
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22) - (24+25)}	30		9.855.945.198	7.497.836.617
11. Thu nhập khác	31		24.492.630	141.895.821
12. Chi phí khác	32		-	21.045.066
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		24.492.630	120.850.755
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		9.880.437.828	7.618.687.372
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.17.	2.720.662.945	1.909.933.110
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		7.159.774.883	5.708.754.262
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		2.435	1.941

Hà Nội, ngày 11 tháng 02 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN ACC - 244

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Bích Hạnh



Nguyễn Thị Vinh



Phạm Duy Linh

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

<Theo phương pháp trực tiếp>

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm 2011	Từ 17/04/2010 đến 31/12/2010
I	Lưu chuyển tiền từ kinh doanh				
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		283.506.328.402	190.900.137.956
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(260.521.359.145)	(181.538.715.356)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.556.732.435)	(2.963.219.801)
4	Tiền chi trả lãi vay	04		(1.306.734.723)	(158.938.887)
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(2.803.655.344)	(1.734.665.317)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		4.248.352.218	23.436.695.695
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(17.312.499.682)	(9.137.735.563)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		3.253.699.291	18.803.558.727
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(543.135.886)	(2.083.715.051)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		10.000.000	8.120.000
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		175.090.266	119.258.581
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(358.045.620)	(1.956.336.470)
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		11.500.000.000	4.000.000.000
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(10.500.000.000)	(3.000.000.000)
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		1.000.000.000	1.000.000.000
	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</i>	50		3.895.653.671	17.847.222.257
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		17.847.222.257	-
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.1.	21.742.875.928	17.847.222.257

Người lập biểu



Phạm Thị Bích Hạnh

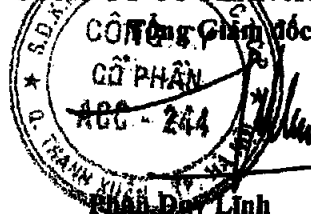
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Vinh

Hà Nội, ngày 11 tháng 02 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN ACC - 244



Nguyễn Duy Linh

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2011

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần ACC - 244 (gọi tắt là "Công ty") trực thuộc tiền thân là Xí nghiệp xây dựng 244 trực thuộc Cục hậu cần Không quân. Sau đó được chuyển đổi thành Công ty cổ phần ACC-244 trực thuộc Công ty TNHH MTV Xây dựng Công trình hàng không ACC theo Quyết định Cổ phần hóa Xí nghiệp 244 số 3643/QDD-BQP ngày 04/11/2008 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104598666 ngày 16/04/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần lần đầu số 0104598666 ngày 16 tháng 04 năm 2010 thì vốn điều lệ của Công ty: **29.498.620.000 VND** (Bằng chữ: Hai mươi chín tỷ, bốn trăm linh tám triệu, sáu trăm hai mươi nghìn đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác đá; Khai thác cát, sỏi; Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn; Sửa chữa thiết bị điện;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Thoát nước; Xử lý nước thải; Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng.

Trụ sở Công ty tại: Số 164 Lê Trọng Tấn, Thanh Xuân, Hà Nội.
Tel: (84-04) 3 565 1528 Fax: (84-04) 3 852 2622

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

120
CỔ
TỔNG
KIỂM
TOÁN
VIỆ
GI

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 - Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán Fast Accounting

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Do không có phát sinh các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ nên Công ty không phải chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng Việt Nam (VND).

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Phương pháp thực tế đích danh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại thời điểm 31/12/2011 Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

3.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/QĐ - BTC ngày 20/10/2009 về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị quyết toán công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao <năm></i>
Nhà cửa vật kiến trúc	5-50
Máy móc, thiết bị	5-10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-6

3.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính và lợi thế kinh doanh

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình; Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011
(tiếp theo)

Loại tài sản cố định

*Thời gian khấu hao
<năm>*

Phần mềm máy vi tính

6

4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

Các khoản vay ngắn hạn của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, kế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính. Riêng chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau, bao gồm các loại chi phí:

Chi phí trả trước về thuê dịch vụ cung cấp cho hoạt động kinh doanh;

Công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng dưới một năm;

Lợi thế kinh doanh từ việc cổ phần hóa được phân bổ đều trong hai năm.

6. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu là vốn bổ sung từ các quỹ, từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu từ hoạt động xây lắp, cho thuê nhà, ki ốt và mặt bằng; Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi.

Do các hợp đồng xây dựng của Công ty quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng, Doanh thu xây lắp được xác định theo giá trị khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu, quyết toán và hoá đơn GTGT, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 15 - "Hợp đồng xây dựng".

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê nhà, ki ốt và mặt bằng được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã có nghiệm thu, thanh lý, đã phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác". Phần công việc đã hoàn thành của dịch vụ cung cấp được xác định theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011
(tiếp theo)

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bán quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính là chi phí tài chính khác.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

10. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

10.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

10.2 Ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

11. Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10% đối với hoạt động xây lắp và cho thuê văn phòng.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

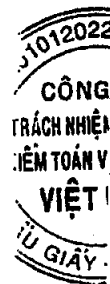
Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

12. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn hoạt động xây dựng được ghi nhận trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh phát sinh theo từng công trình.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
1.1 Tiền		
1.1.1 Tiền mặt tại quỹ	172.291.065	390.276.381
Tiền mặt VND	172.291.065	390.276.381
1.1.2 Tiền gửi Ngân hàng	21.570.584.863	17.456.945.876
Ngân hàng TMCP Quân đội	21.570.584.863	17.454.847.152
Ngân hàng Công thương - Chi nhánh Đống Đa	-	2.098.724
Tổng cộng	21.742.875.928	17.847.222.257
2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Lương nghỉ chờ hưu từ T5/2010-chờ quyết toán	433.244.617	301.102.662
Thuế TNCN	22.007.116	2.490.126
Bảo hiểm y tế	102.438.000	80.483.760
Phải thu khác	55.300.000	54.991.370
Tổng cộng	612.989.733	439.067.918
3. Hàng tồn kho	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Công cụ dụng cụ	9.500.000	9.500.000
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	69.001.328.875	80.403.014.995
Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho	69.010.828.875	80.412.514.995

28-C
 TY
 HỮU HẠ
 ĐỊNH G
 AM
 TP. H.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Đơn vị tính: VND
						Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư ngày 01/01/2011	3.407.434.408	5.105.065.229	1.117.002.000	348.055.383	4.057.190.619	14.034.747.639
- Mua trong năm	-	-	-	11.299.090	531.836.796	543.135.886
- Thanh lý, nhượng bán	-	(37.142.858)	-	-	(1.484.134.028)	(1.521.276.886)
Số dư ngày 31/12/2011	3.407.434.408	5.067.922.371	1.117.002.000	359.354.473	3.104.893.387	13.056.606.639
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư ngày 01/01/2011	1.703.812.047	2.391.360.106	428.982.830	312.506.529	1.908.101.225	6.744.762.737
- Khấu hao trong năm	251.690.088	913.369.290	109.960.424	21.903.556	1.107.622.079	2.404.545.437
- Tăng khác	-	62.248.752	-	-	-	62.248.752
- Thanh lý, nhượng bán	-	(34.019.490)	-	-	(1.435.485.807)	(1.469.505.297)
- Giảm khác	-	-	-	(43.900.392)	(18.348.360)	(62.248.752)
Số dư ngày 31/12/2011	1.955.502.135	3.332.958.658	538.943.254	290.509.693	1.561.889.137	7.679.802.877
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2011	1.703.622.361	2.713.705.123	688.019.170	35.548.854	2.149.089.394	7.289.984.902
Tại ngày 31/12/2011	1.451.932.273	1.734.963.713	578.058.746	68.844.780	1.543.004.250	5.376.803.762

* Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 VND

* Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 966.176.690 VND

* Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 631.268.261 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

5. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm Kế toán	Lợi thế kinh doanh	Đơn vị tính: VND	
			Tổng cộng	
Nguyên giá				
Số dư ngày 01/01/2011	15.276.000	2.004.427.902	2.019.703.902	
- Giảm khác	-	(2.004.427.902)	(2.004.427.902)	
Số dư ngày 31/12/2011	15.276.000	-	15.276.000	
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư ngày 01/01/2011	1.697.332	-	1.697.332	
- Khấu hao trong năm	5.091.996	-	5.091.996	
Số dư ngày 31/12/2011	6.789.328	-	6.789.328	
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2011	13.578.668	2.004.427.902	2.018.006.570	
Tại ngày 31/12/2011	8.486.672	-	8.486.672	

6. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2011		01/01/2011	
	VND		VND	
Công cụ dụng cụ phân bổ dần	87.117.771		82.429.088	
Lợi thế kinh doanh hình thành khi cổ phần hóa	1.002.213.950		-	
Tổng cộng	1.089.331.721		82.429.088	

7. Các khoản vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2011		01/01/2011	
	VND		VND	
Vay ngắn hạn	5.000.000.000		4.000.000.000	
Ngân hàng TMCP Quân đội (1)	2.000.000.000		2.000.000.000	
Ngân hàng TMCP Quân đội (2)	2.000.000.000		2.000.000.000	
Ngân hàng TMCP Quân đội (3)	1.000.000.000		-	
Tổng cộng	5.000.000.000		4.000.000.000	

(1) Khoản vay ngân hàng TMCP Quân đội theo kế ước vay LD1119200160 ngày 11/07/2011, lãi suất vay 24%/năm, thời hạn vay 9 tháng, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành trên đất tại địa chỉ 164 - Lê Trọng Tấn và quyền đòi nợ Hợp đồng thi công.

(2) Khoản vay ngân hàng TMCP Quân đội theo kế ước vay LD1128700337 ngày 14/10/2011, lãi suất vay 21%/năm, thời hạn vay 9 tháng. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành trên đất tại địa chỉ 164 - Lê Trọng Tấn và quyền đòi nợ Hợp đồng thi công.

(3) Khoản vay ngân hàng TMCP Quân đội theo kế ước vay LD1122300309 ngày 11/08/2011, lãi suất vay 24%/năm, thời hạn vay 9 tháng. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành trên đất tại địa chỉ 164 - Lê Trọng Tấn và quyền đòi nợ Hợp đồng thi công.



Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Thuế GTGT	-	1.530.858.815
Thuế thu nhập doanh nghiệp	561.145.523	644.137.922
Thuế thu nhập cá nhân	22.007.116	2.490.126
Tổng cộng	583.152.639	2.177.486.863
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Phải trả các công trường	46.337.459.377	42.230.354.098
- Đội 1	5.005.280.811	1.278.144.449
- Đội 2	5.706.749.057	1.558.657.483
- Đội 3	1.400.675.053	3.193.738.739
- Đội 5	4.492.212.788	985.450.408
- Đội 6	1.139.252.203	4.102.968.846
- Đội 7	-	1.555.926.372
- Đội 8	-	1.449.971.013
- Xí nghiệp 41	22.427.270.790	19.330.595.823
- Xí nghiệp 42	3.206.955.337	4.969.449.527
- Đối tượng khác	2.959.063.338	3.805.451.438
Kinh phí công đoàn	76.207.516	38.756.001
Phải trả về cổ phần hoá	-	4.217.849.812
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.937.965.668	4.359.632.156
- Chi phí thuê đất (Bộ quốc phòng)	507.684.672	338.456.448
- Cổ tức phải trả năm 2011	4.421.268.000	3.087.905.100
- Phải trả khác	9.012.996	933.270.608
Tổng cộng	51.351.632.561	50.846.592.067

120222

CÔNG

CH NHIỆM

H TOÁN VÀ

VIỆT B

GIẤY

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

10. Vốn chủ sở hữu

10.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 17/04/2010	-	-	-	-
- Tăng vốn trong năm trước	29.408.620.000	-	-	29.408.620.000
- Lãi trong năm trước	-	-	5.708.754.262	5.708.754.262
- Tăng khác	-	634.984.444	-	634.984.444
- Chia cổ tức	-	-	(3.087.905.100)	(3.087.905.100)
- Phân phối cho các quỹ	-	-	(1.718.939.798)	(1.718.939.798)
- Giảm khác	-	-	(901.909.364)	(901.909.364)
Số dư tại ngày 31/12/2010	29.408.620.000	634.984.444	-	30.043.604.444
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	7.159.774.883	7.159.774.883
- Tăng khác	-	-	305.561.830	305.561.830
- Phân phối cho các quỹ	-	-	(7.026.821.550)	(7.026.821.550)
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-
- Giảm khác	-	(305.561.830)	-	(305.561.830)
Số dư tại ngày 31/12/2011	29.408.620.000	329.422.614	438.515.163	30.176.557.777

10.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

31/12/2011

01/01/2011

VND

VND

Vốn góp của Nhà nước	19.908.620.000	19.908.620.000
Vốn góp của đối tượng khác	9.500.000.000	9.500.000.000
Tổng cộng	29.408.620.000	29.408.620.000

10.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức,

31/12/2011

01/01/2011

VND

VND

Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
<i>Vốn góp đầu năm</i>	29.408.620.000	-
<i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	29.408.620.000
<i>Vốn góp cuối năm</i>	29.408.620.000	29.408.620.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.411.293.000	3.087.905.100

10.4 Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:

4.411.293.000

3.087.905.100

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

10.5 Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành:	2.940.862	2.940.862
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng:		
- Cổ phiếu phổ thông:	2.940.862	2.940.862
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:		
- Cổ phiếu phổ thông:	2.940.862	2.940.862

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP

10.6 Các quỹ của doanh nghiệp

Khoản mục	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2011	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2011
Quỹ đầu tư phát triển	243.557.319	357.988.744	-	601.546.063
Quỹ dự phòng tài chính	286.489.966	357.988.744	-	644.478.710
Tổng cộng	530.047.285	715.977.488	-	1.246.024.773

Quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính của doanh nghiệp được trích lập bằng 5% từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo nghị quyết số 02/NQ-HĐQT244 của Hội đồng quản trị phiên họp thường kỳ tháng 12/2011 ngày 03 tháng 01 năm 2012

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

11. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 17/04/2010 đến	
	Năm 2011	31/12/2010
	VND	VND
Doanh thu hợp đồng xây lắp	273.969.454.225	182.837.967.464
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê nhà, ki ốt và mặt bằng	1.250.909.089	452.727.273
Tổng cộng	275.220.363.314	183.290.694.737

12. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 17/04/2010 đến	
	Năm 2011	31/12/2010
	VND	VND
Giảm giá hàng bán (giảm giá trị quyết toán công trình)	25.420.000	140.308.119
Tổng cộng	25.420.000	140.308.119

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

13. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2011	Từ 17/04/2010
	VND	đến 31/12/2010 VND
Doanh thu hợp đồng xây lắp	273.944.034.225	182.697.659.345
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê nhà, ki ốt và mặt bằng	1.250.909.089	452.727.273
Tổng cộng	275.194.943.314	183.150.386.618
14. Giá vốn hàng bán	Năm 2011	Từ 17/04/2010
	VND	đến 31/12/2010 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	257.587.788.206	171.416.963.574
Tổng cộng	257.587.788.206	171.416.963.574
15. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2011	Từ 17/04/2010
	VND	đến 31/12/2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	175.090.266	119.258.581
Tổng cộng	175.090.266	119.258.581
16. Chi phí tài chính	Năm 2011	Từ 17/04/2010
	VND	đến 31/12/2010 VND
Chi phí tài chính khác	295.685.766	62.759.372
Tổng cộng	295.685.766	62.759.372
17. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	Năm 2011	Từ 17/04/2010 đến
	VND	31/12/2010 VND
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	275.394.526.210	183.411.541.020
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	265.514.088.382	175.792.853.648
Chi phí không hợp lý hợp lệ	1.002.213.952	21.045.066
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	10.882.651.780	7.639.732.438
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.720.662.945	1.909.933.110
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.720.662.945	1.909.933.110

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

18. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm 2011	Từ 17/04/2010
	VND	đến 31/12/2010 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	197.666.030.628	132.284.506.404
Chi phí nhân công	54.703.917.117	35.129.075.042
Chi phí máy thi công	8.203.373.422	5.073.958.952
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.409.637.433	1.827.631.085
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.715.814.351	5.182.180.867
Chi phí khác bằng tiền	2.812.892.137	1.285.655.812
Tổng cộng	264.308.291.666	175.709.049.210

19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2011	Từ 17/04/2010
	VND	đến 31/12/2010 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.159.774.883	5.708.754.262
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.940.862	2.940.862
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.435	1.941

VIII. Những thông tin khác

1. Thông tin về các bên liên quan

1.1 Số dư với các bên liên quan

Số dư với các bên liên quan	Quan hệ với Công ty	Năm 2011	Từ 17/04/2010
		VND	đến 31/12/2010 VND
Các khoản phải trả			
Công ty CP ACC	Công ty mẹ	4.822.224.900	3.567.783.131
Các khoản vay			
Công ty CP ACC	Công ty mẹ	4.217.777.324	-

2. Những thông tin khác

2.1 Phải thu của khách hàng

Phải thu của khách hàng	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Trại giam số 5 - Tổng cục VIII - Bộ Công An	8.082.340.881	6.159.435.205
Ban quản lý dự án khu đô thị mới Lào Cai	4.621.538.493	4.028.270.320
Công an Lào Cai (*)	2.890.297.936	2.890.297.936

10120
CỔN
TÁCH NH
EM TOÁN
VIỆ
GIẢ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

Công ty CP Tập đoàn Hà Đô	4.625.154.500	2.467.239.000
Nhà đa năng Công ty bay dịch vụ miền Bắc	-	1.834.889.000
Nhà làm việc giáo viên, xưởng thực hành trường CĐCNQP	493.372.000	2.993.372.000
Dự án bệnh viện đa khoa tỉnh Hưng Yên (*)	4.597.140.624	4.597.140.624
Trung đoàn 916	-	1.660.470.000
Sư đoàn 365	822.073.000	1.019.075.000
Nhà văn phòng 11 tầng - XN Hải Âu	150.000.000	1.940.659.001
Xây dựng kho xăng dầu F371	1.062.737.000	2.766.286.000
Xây dựng, sửa chữa Học viện Phòng không không quân	995.106.000	2.387.768.000
Đài THPT Lào Cai	6.901.176.529	6.137.227.219
Nhà ở và làm việc của BCH sư đoàn 367	858.167.875	1.019.610.875
Nhà máy Z111	2.787.128.613	-
Nhà ở chung cư thu nhập thấp Lào Cai	2.845.019.274	-
Nhà máy Z176	3.951.218.730	-
Đoàn an điều dưỡng 298/TCCNQP	3.633.652.592	-
Các đối tượng khác	6.868.247.715	6.844.710.636
Tổng cộng	56.184.371.762	48.746.450.816

(*) Công nợ phải thu của Công an Lào Cai và Dự án bệnh viện đa khoa tỉnh Hưng Yên là các khoản giữ lại tiền bảo hành 5% giá trị công trình và một phần chờ quyết toán. Công ty không trích lập dự phòng các khoản phải thu này do không phải là công nợ quá hạn thanh toán.

2.2 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tạm ứng	17.630.277.986	22.117.371.285
Ông Hoàng - Đội 1	4.145.512.036	1.300.000.000
Xí nghiệp 42	3.916.026.109	2.883.122.792
Xí nghiệp 41	6.768.469.958	8.151.888.344
Đội 2	1.440.986.570	-
Các đối tượng khác	1.359.283.313	9.782.360.149
Tổng cộng	17.630.277.986	22.117.371.285

2.3 Người mua trả tiền trước

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Kho xăng dầu F 37	18.294.350.297	14.039.231.000
Học viện Phòng không không quân	-	1.300.000.000
Nhà thấp tầng DAXD nhà ở CBCNV QCPKKQ	-	9.354.626.945
Nhà máy A41	-	3.824.483.000
Trường thiếu sinh quân dân tộc QK5 năm 2010	-	5.172.415.000
Hệ thống cấp nước sinh hoạt Trung đoàn 219/QĐ2 năm 2010	-	2.100.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

Phân trại số 2 Trại giam Cao Lãnh-V26-BCA năm 2009	219.543.960	2.480.060.058
Cải tạo kho trung tâm cấp phát Thanh Xuân Cục kho vận BCA	-	1.900.000.000
Nhà ở Chung cư thu nhập thấp Lào Cai năm 2010	-	8.093.590.166
XD nhà đo lường &HTKT đồng bộ VCN/TCCNQP năm 2010	-	5.853.905.000
Viện huyết học truyền máu trung ương	-	1.760.426.000
Các HMXD& chống sét trực tiếp TS Cục hải quan Lào Cai	-	6.681.787.564
Ban quản lý dự án 3 khu GĐ quân chủng Phòng không không quân	5.000.000.000	4.000.000.000
Nhà máy Z111	-	326.596.284
Nhà máy Z113	-	1.766.674.703
Nhà máy Z175	-	2.500.000.000
Nhà máy Z176	-	1.811.957.000
Xây dựng doanh trại D152/E250/F361 QC PKKQ	6.000.000.000	-
Kho K602 TC.CNQP	1.816.489.000	-
Xây dựng khối nhà liên kề phố khu A-khu nhà ở QĐ-BĐ15	3.998.334.500	-
Biên giới kè Sông Hồng cửa khẩu Phụ Bản- Bát Xát- Lào Cai	7.000.000.000	-
Trường Trung cấp kỹ thuật PKKQ	4.000.000.000	-
Nhà VP DA TTDVTM và KS Vegeport Plaza Lào Cai	4.550.000.000	-
Nhà Máy Z183	1.533.338.000	-
Nhà máy Z 195	1.565.000.000	-
Nhà máy Z 199	1.200.000.000	-
Đài THPT Lào Cai	1.603.465.754	-
Dự án 367	11.165.471.000	-
Các đối tượng khác	9.041.665.080	15.769.540.175

Tổng cộng	76.987.657.591	88.735.292.895
------------------	-----------------------	-----------------------

2.4 <i>Phải trả nội bộ</i>	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công ty ACC (Công ty mẹ)	1.835.931.900	1.477.378.031
Tổng cộng	1.835.931.900	1.477.378.031

Do Công ty Cổ phần ACC-244 là Công ty con của Công ty ACC và để phục vụ cho mục đích hợp nhất và theo dõi công nợ. Công ty ACC-244 theo dõi và hạch toán công nợ với Công ty ACC trên khoản mục phải trả nội bộ.

2.5 <i>Chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	Năm 2011	Từ 17/04/2010
	VND	đến 31/12/2010
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.337.170.545	1.710.932.861
Chi phí vật liệu quản lý	229.873.454	170.861.279
Chi phí đồ dùng văn phòng	124.372.137	111.616.013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

Chi phí khấu hao TSCĐ	1.030.233.793	544.453.968
Thuế, phí, lệ phí	512.684.672	344.456.448
Chi phí dự phòng	28.000.000	21.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	385.281.844	144.565.703
Chi phí bằng tiền khác	2.262.997.965	920.199.364
Thù lao HĐQT, ban kiểm soát	720.000.000	324.000.000
Tổng cộng	7.630.614.410	4.292.085.636

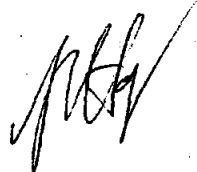
2.6 Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ 17/04/2010 đến 31/12/2010 của Công ty Cổ phần ACC - 244 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 11 tháng 02 năm 2012

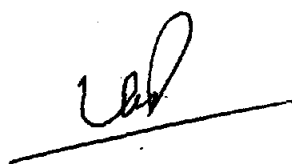
CÔNG TY CỔ PHẦN ACC - 244

Người lập biểu



Phạm Thị Bích Hạnh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Vinh

